

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07 /2012/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 01 tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề án chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền
trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 05/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa X - Kỳ họp thứ 3 về chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 08/TT-SNN ngày 19/01/2012 về việc đề nghị ban hành Đề án chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Đề án; Định kỳ 6 tháng, năm báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh biết, chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 11/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, về việc phê duyệt Đề án về chính sách hỗ trợ kinh phí để phát triển cao su đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trồng cao su trong vùng quy hoạch phát triển cao su.

Điều 4. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng ban Ban Dân tộc; Giám đốc Chi nhánh

Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Văn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07/ 2012 /QĐ-UBND ngày 01/02/2012
của UBND tỉnh Kon Tum)*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đề án chính sách hỗ trợ kinh phí để phát triển cao su đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trồng cao su trong vùng quy hoạch phát triển cao su được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khoá IX - Kỳ họp thứ 11 thông qua tại Nghị quyết số 30/2008/NQ-HĐND ngày 13/12/2008 và được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 11/2/2009. Bước đầu thực hiện, Đề án đã được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện của các cấp, ngành, đơn vị liên quan và sự hưởng ứng của người dân đã đạt được một số kết quả nhất định.

Tuy nhiên, sau một thời gian tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí để đồng bào dân tộc thiểu số nghèo phát triển cao su tiểu điền cho thấy còn bất cập, một số nội dung chính sách chưa phù hợp với tình hình thực tế như đối tượng tham gia chính sách, mức hỗ trợ lãi suất tín dụng, điều kiện vay vốn; công tác tổ chức thực hiện còn những tồn tại,... nên chưa đạt mục tiêu, kế hoạch Đề án.

Để tiếp tục hỗ trợ các hộ đồng bào nghèo trồng cao su trong vùng quy hoạch phát triển cao su, góp phần nâng cao thu nhập, xóa nghèo và phát triển nông nghiệp một cách bền vững. Ngày 05/12/2011, tại kỳ họp thứ 3, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (khóa X) đã ban hành Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND về việc chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐỂ PHÁT TRIỂN CAO SU ĐỐI VỚI HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ NGHÈO TRỒNG CAO SU TRONG VÙNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CAO SU

I. Những thuận lợi, khó khăn

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình tổ chức thực hiện đề án.

- Sự tích cực tổ chức thực hiện Đề án của đơn vị chủ đầu tư, sự phối hợp của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong vùng quy hoạch phát triển cao su và các sở, ngành đơn vị liên quan như thành lập Ban chỉ đạo Đề án cấp huyện; tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân trong vùng quy hoạch phát triển cao su về chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền để các hộ biết, đăng ký tham gia; sự quan tâm chỉ đạo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đối với các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố trong việc hướng dẫn các thủ tục vay vốn cho các hộ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt “Dự án Quy hoạch phát triển cao su tỉnh Kon Tum, giai đoạn 2008-2015” (*Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 30/12/2009*) làm cơ sở pháp lý thuận lợi để triển khai đề án.

- Cùng với việc triển khai thực hiện Đề án, việc lồng ghép các chương trình, dự án để phát triển cao su tiểu điền đã được Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị quan tâm hỗ trợ thực hiện.

- Các hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước nhận thức được lợi ích, hiệu quả lâu dài của cây cao su đối với phát triển kinh tế hộ gia đình.

2. Khó khăn

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hầu hết đã vay vốn của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, trong khi hạn mức của một hộ nghèo được vay là 30 triệu đồng/hộ, nên số tiền được vay để trồng cao su ít, thủ tục vay rườm rà, phức tạp nên đa số người dân không tham gia dẫn đến kết quả thực hiện không cao

- Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện chủ yếu kiêm nhiệm, một số địa phương chưa thành lập Ban chỉ đạo; công tác giải ngân một số nơi còn chậm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, thời vụ gieo trồng;...

- Nhiều hộ thuộc đối tượng hưởng lợi chính sách đăng ký tham gia nhưng do chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc đã vay vượt hạn mức quy định của Ngân hàng Chính sách Xã hội nên không được vay vốn tham gia từ Đề án.

- Giá cả vật tư đầu vào để trồng và chăm sóc cây cao su biến động tăng, nên mức đầu tư tối đa 20 triệu đồng/ha không phù hợp với thời điểm hiện nay.

- Cây cao su là loại cây trồng mới đối với nông dân là đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, kiến thức về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cao su còn hạn chế; việc lồng ghép nguồn vốn khác để tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc và khai thác cao su cho các hộ tham gia tuy đã được quan tâm thực hiện song chưa tập trung, chưa đáp ứng được nhu cầu.

II. Kết quả triển khai thực hiện Đề án chính sách hỗ trợ kinh phí để phát triển cao su đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trồng cao su trong vùng quy hoạch phát triển cao su từ năm 2009 đến năm 2011

1. Địa bàn đã triển khai: thành phố Kon Tum; huyện Đăk Hà; huyện Sa Thầy.

2. Số hộ tham gia 248 hộ được vay vốn/786 hộ đăng ký đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt (*đạt 2,5% số hộ so với kế hoạch Đề án đến năm 2011*),

3. Diện tích giải ngân cho vay đến năm 2011: 283,5 ha (*năm 2009: 248,5 ha; năm 2010: 35 ha*)

4. Kinh phí thực hiện:

- Vốn giải ngân cho vay: 1.670,0 triệu đồng, đạt 3,7% so với kế hoạch đến năm 2011 (*năm 2009: 971 triệu đồng; năm 2010: 482 triệu đồng; năm 2011: 217 triệu đồng*).

- Chi phí quản lý cho đơn vị chủ đầu tư: 5,5 triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ cấp bù lãi suất vốn vay: 59,9 triệu đồng

5. Kết quả thực hiện mục tiêu, kế hoạch Đề án đạt thấp trong năm 2009-2011 do một số nguyên nhân chính sau:

- Mức hỗ trợ lãi suất 50% vốn vay đối với hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là thấp, phải đi lại nhiều lần để vay vốn theo chu kỳ sinh trưởng của cây cao su, thủ tục vay vốn phức tạp, một số huyện trồng mới xong mới được thẩm định giải ngân,... nên không hấp dẫn nông dân tham gia Đề án.

- Chủ đầu tư (*Ban quản lý Dự án Đa dạng hóa Nông nghiệp*) kết thúc hoạt động nên khó khăn trong việc tiếp tục triển khai kế hoạch Đề án.

- Mức hỗ trợ chi phí quản lý 8% tổng kinh phí cấp bù lãi suất từ ngân sách tỉnh hàng năm không đủ để đơn vị chủ đầu tư hoạt động.

- Các khoản chi phí đầu vào (*giống, phân bón,...*) cho việc đầu tư trồng cao su liên tục tăng nên mức cho vay trồng mới, chăm sóc theo quy định không còn phù hợp.

- Công tác tập huấn, tuyên truyền chưa được quan tâm đúng mức do chưa bố trí kinh phí cho công tác này.

Phần thứ hai

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CAO SU TIỂU ĐIỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

I. Căn cứ ban hành chính sách

- Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 17/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh giai đoạn 2011-2015 (*trong đó, định hướng phát triển nông lâm thủy sản xác định tập trung chuyển đổi diện tích sản kém hiệu quả sang trồng cao su*);

- Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND, ngày 05/12/2011 của HĐND tỉnh khóa X về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển cao su tiểu điền trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 498/2002/QĐ-UB ngày 19/7/2002 về việc ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật một số cây trồng chủ yếu, phổ biến trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 607/QĐ-UBND ngày 27/6/2007 về việc ban hành “Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển một số cây hàng hóa chủ yếu trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2010 có tính đến năm 2015”; số 1450/QĐ-UBND, ngày 30/12/2009 về việc phê duyệt Dự án Quy hoạch phát triển cao su tỉnh Kon Tum giai đoạn 2008-2015; số 645/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 về việc điều chỉnh một số nội dung Dự án Quy hoạch phát triển cao su tỉnh Kon Tum giai đoạn 2008-2015.

II. Nội dung chính sách

1. Mục tiêu

Tập trung nguồn lực để phát triển nhanh cao su tiểu điền, khuyến khích các hộ nghèo trong vùng quy hoạch phát triển cao su có điều kiện phát triển kinh tế gia đình theo hướng sản xuất hàng hoá, giảm nghèo một cách bền vững, phát triển kinh tế phù hợp nhu cầu thị trường và định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh; phát triển nông nghiệp một cách bền vững; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển diện tích cao su theo Quy hoạch được duyệt.

2. Đối tượng được hỗ trợ

Hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới (*theo Quyết định 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015*), có nhu cầu trồng cao su trong vùng quy hoạch, có từ 0,5-1 ha đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phù hợp với phát triển cây cao su.

Nếu Chính phủ ban hành chuẩn nghèo mới, đối tượng tham gia sẽ thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét cho điều chỉnh và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

3. Nội dung hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ cây giống cao su bầu đặt hạt cho các hộ tham gia Đề án để trồng mới và trồng dặm theo định mức. Trong đó, cây giống trồng dặm được hỗ trợ ngay trong năm trồng mới.

3.2. Hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chính cho các hộ tham gia Đề án theo định mức trong năm trồng mới và ba năm đầu thời kỳ kiến thiết cơ bản cho các hộ tham gia Đề án.

3.3. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật 03 lần cho các hộ tham gia Đề án theo giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây cao su (*trồng mới, chăm sóc kiến thiết cơ bản, thu hoạch*).

3.4. Hỗ trợ hợp đồng cán bộ kỹ thuật:

- Cấp tỉnh: Hợp đồng 03 cán bộ kỹ thuật công tác tại Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư.

- Cấp huyện: Hợp đồng 07 cán bộ kỹ thuật công tác tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Phòng Kinh tế thành phố hoặc tại Trạm Khuyến nông và Dịch vụ ở các huyện trong vùng quy hoạch phát triển cao su.

3.5. Hỗ trợ chi phí quản lý Đề án

Hỗ trợ 8% chi phí quản lý trên tổng chi phí hỗ trợ giống và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chính cho Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

4. Mức hỗ trợ cho các hộ tham gia Đề án

4.1. Ngân sách tỉnh: Hỗ trợ 100% số lượng cây giống cao su để trồng mới, trồng dặm; chí phí tập huấn tuyên truyền, hợp đồng cán bộ kỹ thuật, chi phí quản lý.

4.2. Ngân sách huyện và vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật chính cho trồng mới và chăm sóc 03 năm tiếp theo thời kỳ kiến thiết cơ bản.

5. Địa bàn thực hiện

Các địa phương trong vùng quy hoạch phát triển cao su, bao gồm thành phố Kon Tum, các huyện: Sa Thầy, Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Rẫy, Ngọc Hồi và 3 xã phía Nam huyện Đăk Glei (*xã Đăk Long, Đăk Môn và Đăk Kroong*).

6. Thời gian thực hiện

- Hỗ trợ trồng mới 5 năm, từ năm 2012-2016.

- Hỗ trợ chăm sóc 3 năm tiếp theo của thời kỳ kiến thiết cơ bản từ năm 2013-2019

Trong đó, năm 2012 chỉ thực hiện hỗ trợ trồng mới trên địa bàn các huyện Sa Thầy, Đăk Hà, Đăk Tô, Kon Rẫy, Ngọc Hồi, Đăk Glei. Riêng thành phố Kon Tum thực hiện từ năm 2013.

7. Quy mô số hộ, diện tích tham gia Đề án

- Quy mô số hộ tham gia : 6.314 hộ
- Quy mô diện tích tham gia : 5.841,5 ha

8. Nhu cầu kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ tùy vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, ngân sách huyện hàng năm, dự kiến nguồn vốn và phân kỳ kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án như sau:

8.1. Tổng kinh phí

Tổng kinh phí: : 253.818,9 Triệu đồng

Trong đó:

- Ngân sách tỉnh : 61.655,2 Triệu đồng
- Ngân sách huyện và lồng ghép các chương trình, dự án : 50.821,4 Triệu đồng
- Dân đóng góp : 141.342,3 Triệu đồng

8.2. Nội dung kinh phí hỗ trợ :*(Đơn vị tính: Triệu đồng)*

Số TT	Nội dung	Tổng	Trong đó:		
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và lồng ghép các chương trình	Dân đóng góp
1	Kinh phí hỗ trợ 100% cây giống	51.061,8	51.061,8	-	-
2	Kinh phí hỗ trợ tập huấn	1.024,6	1.024,6	-	-
3	Kinh phí hợp đồng cán bộ kỹ thuật	3.000,0	3.000,0	-	-
4	Kinh phí quản lý 8%/tổng kinh phí hỗ trợ cây giống, phân bón	6.568,8	6.568,8	-	-
5	Kinh phí hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thiết yếu trồng mới	50.821,4	-	50.821,4	-
6	Công lao động, phân hữu cơ	141.342,3	-	-	141.342,3
	Tổng cộng	253.818,9	61.655,2	50.821,4	141.342,3

8.3. Phân kỳ đầu tư:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Năm	Tổng	Trong đó:		
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện và lồng ghép các chương trình, dự án	Dân đóng góp
1	Năm 2012	18.439,0	7.346,0	890,5	10.202,5
2	Năm 2013	34.373,5	13.078,4	2.560,8	18.734,3
3	Năm 2014	37.388,3	13.339,7	5.314,4	18.734,3
4	Năm 2015	42.263,2	13.617,5	9.911,5	18.734,3
5	Năm 2016	45.379,3	14.273,6	12.371,4	18.734,3
6	Năm 2017	27.770,9		9.036,7	18.734,3
7	Năm 2018	27.770,9		9.036,7	18.734,3
8	Năm 2019	20.433,8		1.699,5	18.734,3
	Tổng cộng	253.818,9	61.655,2	50.821,4	141.342,3

9. Điều kiện, nguyên tắc và trình tự thủ tục xét hỗ trợ

9.1. Điều kiện được hỗ trợ:

a) Hộ nghèo có tên trong Sổ quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2011-2015 đang quản lý tại xã, phường, thị trấn, thôn, tổ được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác nhận.

b) Hộ nghèo có tên trong danh sách do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc nơi có đất lập và được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) phê duyệt.

c) Diện tích đối với mỗi hộ đăng ký được hỗ trợ tối thiểu 0,5 ha, tối đa 01 ha đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Địa điểm đất trồng cao su phải nằm trong vùng quy hoạch và đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật đối với đất trồng cao su theo quy định.

9.2. Nguyên tắc và trình tự thủ tục xét hỗ trợ

a) Các hộ thuộc đối tượng tham gia phải được bình xét công khai, dân chủ, đúng đối tượng ở cơ sở (tổ, thôn, làng) và được lập danh sách theo thứ tự những hộ khó khăn hơn được ưu tiên hỗ trợ trước.

b) Các hộ thuộc đối tượng tham gia Đề án gia nộp đơn đăng ký trồng cao su cho Trường thôn để tổ chức họp, bình xét công khai thông qua biên bản cuộc họp và lập danh sách, trình Ủy ban nhân dân xã để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, làm căn cứ thực hiện.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

I. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Trong đó, kiện toàn lại Ban chỉ đạo cấp huyện đối với các huyện đã thành lập Ban chỉ đạo.

II. Nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh và địa phương

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1.1. Hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện một số nội dung Đề án liên quan.

1.2. Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ ngân sách cho các đơn vị liên quan thực hiện Đề án hàng năm.

1.3. Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra, tổ chức sơ kết hàng năm tình hình thực hiện các nội dung Đề án. Đồng thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư:

2.1. Tổng hợp kế hoạch, kinh phí thực hiện Đề án hàng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phối hợp với các ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ ngân sách cho các đơn vị liên quan thực hiện Đề án.

2.2. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch kiểm tra, sơ kết hàng năm, tổng kết tình hình triển khai thực hiện Đề án; định kỳ hàng quý, năm hoặc đột xuất khi cần thiết, tổng hợp báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án và các khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Hợp đồng cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện Đề án. Trong đó, cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền lợi của cán bộ kỹ thuật hợp đồng, hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện.

2.4. Chủ trì, phối hợp với các huyện tổ chức tập huấn kỹ thuật; hướng dẫn, đôn đốc các hộ tham gia Đề án thực hiện chăm sóc, quản lý vườn cây đảm bảo quy trình kỹ thuật có báo cáo đánh giá tốc độ sinh trưởng vào thời điểm 31 tháng 12 hàng năm.

2.5. Thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ tập huấn, hợp đồng cán bộ kỹ thuật, chi phí quản lý theo quy định.

3. Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi và Thủy sản:

3.1. Hàng năm, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố để xác định nhu cầu giống cao su cần hỗ trợ để cung ứng kịp thời vụ.

3.2. Tổ chức sản xuất giống cao su bầu đặt hạt cưa động mầm và chịu trách nhiệm đảm bảo cơ cấu, nguồn gốc, chất lượng giống và các quy định hiện hành để cung cấp hỗ trợ cho các huyện theo nhu cầu các hộ tham gia Đề án.

3.3. Hàng năm, hoặc đột xuất báo cáo kết quả tình hình, kết quả triển khai thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (*qua Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư*) định kỳ 6 tháng, năm để theo dõi, tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh.

3.4. Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư và các huyện, thành phố kiểm tra tình hình sử dụng nguồn giống hỗ trợ, sinh trưởng và sâu bệnh hại cây cao su.

3.5. Thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ giống theo quy định.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

4.1. Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn các địa phương tổ chức thực hiện việc bình xét, chọn hộ tham gia Đề án hàng năm bảo đảm đúng đối tượng và trình tự thủ tục theo quy định của Đề án; lồng ghép, bố trí nguồn vốn từ các chương trình, dự án để hỗ trợ các hộ tham gia Đề án.

4.2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh hàng năm.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn ngân sách để thực hiện Đề án.

6. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn ngân sách để thực hiện Đề án, đảm bảo kịp thời vụ sản xuất; hướng dẫn các đơn vị được giao kinh phí thực hiện Đề án thanh quyết toán đúng quy định.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Tài nguyên Môi trường đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, chuyển đổi thời hạn sử dụng đất phù hợp với chu kỳ kinh doanh cây cao su cho các hộ để đảm bảo điều kiện đăng ký tham gia Đề án.

8. UBND các huyện, thành phố (*gọi tắt là UBND cấp huyện*):

8.1. Thành lập và kiện toàn lại Ban chỉ đạo thực hiện Đề án;

8.2. Xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện Đề án trên địa bàn huyện trình cấp thẩm quyền phê duyệt; hàng năm xây dựng kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ giống, kinh phí hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kinh phí hợp đồng cán bộ kỹ thuật, kinh phí quản lý Đề án gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư tỉnh tổng hợp*);

8.3. Phê duyệt danh sách các hộ đăng ký tham gia Đề án; giới thiệu cán bộ kỹ thuật có năng lực, chuyên môn phù hợp về Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư để hợp đồng thực hiện Đề án ở huyện;

8.4. Hàng năm, liên hệ với Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư Kon Tum để được cung cấp cây giống cao su đảm bảo cơ cấu giống phù hợp với điều kiện khí hậu của địa phương, nguồn gốc giống rõ ràng có địa chỉ nơi sản xuất, chất lượng giống đã được các cơ quan chức năng kiểm tra đảm bảo theo quy định hiện hành hỗ trợ cho các hộ tham gia Đề án; liên hệ các đơn vị có chức năng, đủ năng lực cung ứng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hỗ trợ cho các hộ tham gia Đề án.

8.5. Chỉ đạo Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện để thông tin tuyên truyền định kỳ các nội dung chính sách Đề án để chính quyền địa phương (*xã, thôn*) và nhân dân biết thực hiện.

8.6. Chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan như Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trạm Khuyến nông và Dịch vụ nông lâm nghiệp phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư tập huấn cho các hộ tham gia Đề án;

8.7. Kiểm tra việc tổ chức triển khai Đề án trên địa bàn huyện, đánh giá tình hình thực hiện và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*qua Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư*) định kỳ 6 tháng, năm để theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo.

8.8. Giám sát, kiểm tra nguồn giống về cơ cấu giống, nguồn gốc và chất lượng và các quy định hiện hành trước khi hỗ trợ cho các hộ tham gia Đề án.

9. Ủy ban nhân dân xã:

9.1. Thường xuyên thông tin tuyên truyền các nội dung Đề án chính sách phát triển cao su tiêu điền để các đối tượng thuộc đối tượng tham gia Đề án hiểu rõ, chủ động đăng ký nhu cầu; đồng thời tham gia giám sát việc hỗ trợ, sử dụng cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do Nhà nước hỗ trợ đúng mục đích, đạt hiệu quả.

9.2. Rà soát, thống kê diện tích đất của từng hộ trong quá trình triển khai đăng ký nhu cầu; đồng thời phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn nhân dân làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo tham gia Đề án.

9.3. Chỉ đạo các thôn, làng hướng dẫn cho các hộ thuộc đối tượng tham gia thực hiện các thủ tục hỗ trợ theo quy định; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt danh sách các hộ đủ điều kiện đăng ký tham gia; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách phát triển cao su tiêu điền trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân huyện theo định kỳ hàng quý, hàng năm./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký
Nguyễn Văn Hùng

